

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 189/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 27 - 7 - 2022  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Phước Sang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Phước Công

2. Bà Phan Thị Nga

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:**  
Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 423/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 301/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 294/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới giữa:

**1. Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị Kiều T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ 23, ấp TN, xã NB, huyện TÔ, tỉnh Vĩnh Long; địa chỉ liên lạc: Lô D1, khu công nghiệp KSB – Khu A, huyện BTU, tỉnh Bình Dương (có mặt).

**2. Bị đơn:** Anh Huỳnh Văn S, sinh năm 1978

Địa chỉ: Số 205, tổ 10, ấp LH1, xã LĐ A, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị Kiều T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh S do mai mối nên tiến đến hôn nhân

vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Điền A, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang ngày 04/8/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà của cha mẹ Chị T, địa chỉ tổ 23, ấp TN, xã NB, huyện TÔ, tỉnh Vĩnh Long. Từ trước đến nay vợ chồng chỉ về nhà cha mẹ chồng thuộc ấp LH1, xã LĐA, huyện CM, tỉnh An Giang để chơi 01 hoặc 02 tháng thì về nhà cha mẹ Chị T mà không có sinh sống thường xuyên tại nhà cha mẹ chồng. Đến đầu năm 2018, vợ chồng cùng đi làm công nhân tại tỉnh Bình Dương. Vợ chồng chung sống đến khoảng giữa năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do anh S thường xuyên ghen tuông vô cớ và có lời lẽ thô tục đối với Chị T nên vợ chồng thường xuyên cự cãi. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cự cãi gay gắt nhất từ tháng 7/2021 và không còn tiếng nói chung nên Chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột ở và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh S không có liên lạc thăm nom vợ con và không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng; gia đình Chị T có động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng cho Chị T và anh S nhưng không được; gia đình bên chồng không có động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng cho Chị T và anh S. Nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Chị T yêu cầu được ly hôn với anh S.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Bảo N, sinh ngày 22/6/2017. Hiện nay con chung đang sống với Chị T và đang học tại trường Mầm non của xã Nhơn Bình. Khi ly hôn, Chị T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu anh Huỳnh Văn S cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay Chị T đang làm công nhân tại tỉnh Bình Dương, thu nhập khoảng 11.000.000 đồng/tháng nên đủ để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Huỳnh Văn S vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

Chị Bùi Thị Kiều T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Anh Huỳnh Văn S vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Kiều T. Về quan hệ hôn nhân, chị Bùi Thị Kiều T được ly hôn anh Huỳnh Văn S. Về con chung, chị Bùi Thị Kiều T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Bảo N, sinh ngày 22/6/2017; anh Huỳnh Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Chị Bùi Thị Kiều T khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với anh Huỳnh Văn S và trực tiếp nuôi con chung khi ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, anh Huỳnh Văn S có nơi cư trú tại số 205, tổ 10, ấp LH1, xã LĐA, huyện CM, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Huỳnh Văn S theo quy định của pháp luật nhưng anh Huỳnh Văn S vắng mặt không có lý do chính đáng và không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Kiều T nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Tại phiên tòa, anh Huỳnh Văn S đã được triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Huỳnh Văn S.

**[2] Về nội dung vụ án:**

**[2.1] Đối với quan hệ hôn nhân:**

Chị Bùi Thị Kiều T cho rằng, Chị T và anh S do mai mối nên tiến đến hôn nhân vào 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Điền A, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang ngày 04/8/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến khoảng giữa năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do anh S thường xuyên ghen tuông vô cớ và có lời lẽ thô tục đối với Chị T nên vợ chồng thường xuyên cự cãi; mâu thuẫn vợ chồng trở nên gay gắt và vợ chồng không còn tiếng nói chung từ tháng 7/2021 nên Chị T và anh S sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh S không có liên lạc thăm nom vợ con và không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng; gia đình bên Chị T có động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng cho Chị T và anh S nhưng không được; gia đình anh S không có động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng cho Chị T và anh S.

Xét thấy, chị Bùi Thị Kiều T và anh Huỳnh Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Anh Huỳnh Văn S đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án và không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của Chị T, thể hiện anh Huỳnh Văn S không còn thiện chí níu kéo quan hệ hôn nhân giữa Chị T và anh S. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho Chị T và anh S theo quy định của pháp luật nhưng không hòa giải được nên lời trình bày của

Chị T về tình trạng hôn nhân giữa Chị T và anh S là có cơ sở chấp nhận. Nói cách khác, đã có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị T và anh S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc Chị T yêu cầu ly hôn anh S phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với con chung: Chị Bùi Thị Kiều T xác định vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Bảo N, sinh ngày 22/6/2017, cháu N sống với Chị T từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Khi ly hôn, Chị T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, việc giao con chung cho người chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con cả về vật chất lẫn tinh thần. Khi vợ chồng sống ly thân, cháu N sinh sống với Chị T cho đến nay nên tình cảm của cháu đã gắn liền với người nuôi dưỡng; quá trình sinh sống với Chị T, cháu N được đi học và phát triển bình thường. Mặt khác, Chị T cũng có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên có khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N. Để ổn định cuộc sống cho cháu N, giúp cháu N phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của Chị T khi ly hôn phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Bùi Thị Kiều T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi ly hôn nên anh Huỳnh Văn S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nhưng chị Bùi Thị Kiều T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.3] Đối với tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Bùi Thị Kiều T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Kiều Thu.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Kiều T được ly hôn anh Huỳnh Văn S.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 84 do Ủy ban nhân dân xã Long Điền A, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 04/8/2017 cho chị Bùi Thị Kiều T và anh Huỳnh Văn S không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung:

Chị Bùi Thị Kiều T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Bảo N, sinh ngày 22/6/2017. Hiện nay đang sống với chị Bùi Thị Kiều T.

Anh Huỳnh Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Bùi Thị Kiều T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Huỳnh Văn S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Kiều T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai số 0004551 ngày 27/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Ủy ban nhân dân xã Long Điền A,  
huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;
- Dương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

## **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Phước Sang**